

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 293/TTr-SNNPTNT ngày 05 tháng 11 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Cục kiểm soát TTHC-VP Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**

## DANH MỤC

### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

#### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	04 ngày làm việc; trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm	Không quy định	Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
2	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	a) Trường hợp không phải xác minh: 01 ngày làm việc. b) Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc; 13 ngày làm việc đối với trường hợp nghi ngờ cần kiểm tra xác minh.	Chi cục Kiểm lâm	Không quy định	Chương III Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	04 ngày làm việc; trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không quy định	Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam
2	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan	Ngay sau khi hoàn thành thủ tục thông quan	Chi cục Hải quan	20.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới/thủ tục hành chính thay thế/thủ tục hành chính bãi bỏ/thủ tục hành chính giữ nguyên trong lĩnh vực Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính (mã hồ sơ thủ tục hành chính số 1.006440 được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia).</li> <li>- Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.</li> </ul>